


# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

<b>GLYCERIN</b>	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 56-81-5 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Glycerin	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Glycerin	
Tên khác (không là tên khoa học): 1,2,3-Propanetriol, Glycerol	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	<b>CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC</b>
Mục đích sử dụng: dùng trong ngành thuộc da, cũng được dùng làm thuốc nhuận tràng trong y tế	Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội. Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn

## II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Glycerin	56-81-5	$C_3H_5(OH)_3$	100%

## III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**1. Mức xếp loại nguy hiểm** (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

**2. Cảnh báo nguy hiểm**

- Có thể cháy ở nhiệt độ cao
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

**3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường mắt: gây kích ứng, rát, đỏ mắt, cảm giác phỏng, và chảy nước nhưng không có chấn thương cho mắt.
- Đường thở: do áp suất bay hơi thấp nên việc hít phải hơi hóa chất ở điều kiện bình thường là không xảy ra. Hít phải hơi có thể gây kích ứng hô hấp.
- Đường da: gây kích ứng - Đường tiêu hóa: ít độc hại trừ khi nuốt lượng lớn. Trong trường hợp đó, có thể gây ra kích ứng dạ dày như khát nước, buồn nôn, ói mửa và tiêu chảy. Nó cũng có thể ảnh hưởng đến chức năng hệ thần kinh trung ương (đè nén hệ thần kinh trung ương, đau đầu, chóng mặt, rối loạn, mất ngủ, ngộ độc thần kinh,

ơ yếu, co giật), hệ bài tiết, thận, hệ tim mạch, gan. Hóa chất cũng có thể làm tăng đường trong máu.

**IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

**1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)**

Kiểm tra và loại bỏ kính sát tròng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút. Có thể sử dụng nước lạnh. Nếu có những kích ứng, gặp bác sĩ chuyên khoa.

**2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)**

Rửa sạch với xà phòng và nước. Xoa vùng da bị nhiễm với kem làm mềm. Gặp bác sĩ nếu có những kích ứng phát triển. Có thể sử dụng nước lạnh.

**3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)**

Cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.

**4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)**

Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi cấp cứu nếu có những triệu chứng xuất hiện.

**5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)**

**V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

**1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

Sản phẩm có thể cháy ở nhiệt độ cao. **2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy**

Khí hình thành khi cháy: cacbon oxít (CO, CO<sub>2</sub>), nitơ oxít (NO, NO<sub>2</sub>...), khói độc gây kích ứng.

**3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)

Có thể cháy khi có hiện diện của nhiệt, tia lửa, vật liệu oxi hóa. Phát nổ khi có hóa chất oxi hóa.

**4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**

Sử dụng bột hóa chất khô, tia nước, sương hoặc bọt. Không sử dụng vòi phun nước.

**5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**

Như trong mọi đám cháy, cần mang theo thiết bị thở khép kín để tránh ngộ độc khí thải do quá trình đốt cháy hình thành.

**6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có)

Glycerin không tương thích với những chất oxi hóa mạnh như chromium trioxide, potassium chlorate, hay potassium permanganate và có thể gây nổ nếu tác dụng với các chất này. Chất nổ glycerin nitrate được tạo ra từ kết hợp glycerin và nitric và axit sulfuric. Axit perchloric, chì oxít + glycerin tạo ra perchloric esters có thể gây nổ. Glycerin và chlorine có nổ nếu được nung kín.

**VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

**1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ**

Hòa tan với nước và thu gom, hấp thụ vào vật liệu khô hút nước và thu gom vào thùng chứa chất thải phù hợp. Lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật. **2.**

**Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng** Dừng rò rỉ nếu không nguy hiểm.

Nếu sản phẩm ở dạng rắn: Sử dụng xẻng để đưa vật liệu vào một phương tiện xử lý chất thải thuận lợi thùng đựng hàng.

Nếu sản phẩm ở dạng lỏng: Không lấy nước vào bình chứa. Hấp thụ bằng vật liệu tro và đặt đổ vào vật liệu xử lý chất thải phù hợp. Đừng có chạm vào những vật liệu đã bị đổ vỡ. Sử dụng nước phun để làm giảm hơi. Ngăn chặn xâm nhập vào cống rãnh, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế, đê nếu cần thiết. Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa. Gọi để được giúp đỡ khi xử lý. Làm sạch bằng cách lan truyền nước trên bề mặt bị ô nhiễm và cho phép sơ tán qua hệ thống vệ sinh. Hãy cẩn thận rằng sản phẩm không có mặt ở nồng độ trên TLV.

Kiểm tra TLV trên MSDS và với chính quyền địa phương.

**VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ**

**1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Đề cách xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy. Đặt các hóa chất trên nền đất. Không được nuốt. Không hít khí, hơi, khói, bụi hóa chất. Mặc trang phục bảo vệ phù hợp. Nếu nuốt phải, cần gọi cấp cứu ngay. Trữ hóa chất khỏi những chất không tương thích như các chất oxy hóa.

**2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Đóng chặt nắp thùng chứa. Giữ trong điều kiện thoáng mát. Sử dụng vật liệu hút ẩm.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Tạo thông thoáng hay những kỹ thuật kiểm soát để giữ nồng độ hơi hóa chất thấp hơn ngưỡng giới hạn. Bố trí nơi rửa mắt và rửa tay an toàn ở vị trí thích hợp nơi làm việc.

Giới hạn tiếp xúc: TWA: 10 (mg/m<sup>3</sup>) đối với (TLV) (US).

**2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

Bảo hộ cá nhân: kính an toàn, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, đảm bảo sử dụng mặt nạ phù hợp tương ứng, găng tay.

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**

Kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Trang phục bảo hộ có thể không cần thiết, tham khảo chuyên gia trước khi xử lý.

**4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...)

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng lỏng (nhớt)	Điểm sôi (°C): 290°C
Màu sắc: trong, không màu	Điểm nóng chảy (°C): 19°C
Mùi đặc trưng: mùi dẹt	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0kP ở 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): 370°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 3,17	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước: tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): < 0,9%
Độ PH: không có giá trị	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> )	Các tính chất khác nếu có

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Hoá chất ổn định

**2. Khả năng phản ứng:**

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Phản ứng mạnh với các chất oxy hoá, không ăn mòn
- Phản ứng với các chất không tương thích, nguồn nhiệt, nguồn cháy, độ ẩm - Phản ứng trùng hợp.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Glycerin	LD50	4090mg/kg 1000mg/kg	Miệng Da	Chuột Thỏ

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...) Có thể tổn thương cho thận. Glycerin được chuyển hóa một phần qua dạng placenta có thể gây ảnh hưởng lên sinh sản ở động vật (ảnh hưởng sinh sản con đực ở chuột), sự sinh tinh (thay đổi vật liệu di truyền, khả năng sinh tinh, về độ hoạt động và số lượng tinh trùng).

Tiếp xúc và kéo dài nhiều lần có thể gây ảnh hưởng máu, nội tiết tố, hệ hô hấp, tổn thương thận.

**2. Các ảnh hưởng độc khác**

Ít nguy hại cho da, tiêu hóa hay hô hấp. Ít độc hại ở điều kiện làm việc thông thường hay trong công nghiệp đơn thuần.

## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Glycerin	Cá hồi	96 giờ	Độc

**2. Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD: không có giá trị
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: sản phẩm phân huỷ ít độc tính hơn.

## XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)**

Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

**2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải****3. Biện pháp tiêu hủy****4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý****XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐCP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐCP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

**XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

**1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**

**2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**

**3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.

Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.

**XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 01/06/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH xuất nhập khẩu hóa chất Thịnh Phúc

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.